

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/6/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa chị L và anh C”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Đương

2. Bà Vũ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình C sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn G, huyện B, tỉnh Bắc Ninh

(Tại phiên tòa có mặt chị A; vắng mặt anh C – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn lựa chọn Tòa án giải quyết cùng ngày 25/02/2022, tại phiên tòa và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đình C tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện B, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 29/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh C. Quá trình chung sống đến tháng 12/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2021, chị đã bỏ về Thôn A, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, anh xin ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Đình Đ sinh ngày 30/3/2020, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 25/02/2022 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án ngày 21/4/2022 bị đơn anh Hoàng Đình C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Nguyễn Thị L đã trình bày là đúng. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: A xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị L đã trình bày. Ly hôn, anh để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Hoàng Đình C. Do anh C là bị đơn cư trú tại Thôn B, thị trấn G, huyện B, tỉnh Bắc Ninh, chị L và anh C đều có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ là Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đình C xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân thị trấn G cấp đăng ký kết hôn số 37 ngày 29/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 12/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2021, chị L đã bỏ về Thôn A, xã N, huyện P, tỉnh

Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C. anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, anh nhất trí ly hôn chị L. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C không có mặt, anh C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Đình Đ sinh ngày 30/3/2020, hiện đang ở với chị L. Ly hôn, chị L nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/tháng, anh C cũng nhất trí. Xét nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, con chung dưới 36 tháng tuổi, trong độ tuổi cần được quan tâm chăm sóc của mẹ, con chung đang ở với chị L nên cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với tình hình thực tế của con chung, đáp ứng được nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Đình C phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Đình C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Hoàng Đình C.

2.Về nuôi con chung: Xử giao con chung Hoàng Đình Đsinh ngày 30/3/2020, cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Đình C có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0004651 ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí.

- Anh Hoàng Đình C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng cho con.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Đình C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi đăng ký kết hôn:UBND thị trấn G,huyện B, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)